TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HS-ST
Ngày: 12-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021, Thông báo tạm dừng xét xử số 02/2021/HSST-QĐ ngày 07/9/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 14/2021/TB-HS ngày 27/9/2021 đối với bị cáo:

Trương Văn T, sinh năm 1990 tại Bình Dương; thường trú: tổ 2, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha (không rõ) và con bà Trương Thị H, sinh năm 1969; vợ là Huỳnh Kim Y và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo lệnh truy nã chuyển sang tạm giam từ ngày 10/4/2021 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phạm Quốc A, sinh năm 1992; thường trú: tổ 9, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1969; thường trú: tổ 2, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (mẹ của bị cáo); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Đức H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và ông Phạm Quốc A quen biết nhau. Khoảng 15 giờ ngày 01/12/2016, ông A cùng bạn là Đỗ Văn H đến quán bida Nguyễn tại khu phố K, phường T, thị xã T chơi. Lúc này, T cùng với 01 người bạn cũng đang chơi bida. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T qua bàn của ông A đang chơi để xem. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông A mang đi bán lấy tiền tiêu xài nên giả vờ mượn xe để đi công việc. Ông A đồng ý và giao xe mô tô biển số 67K1 – 264.65 cho T mượn. Tiền điều khiển xe về phòng trọ tại phường T lấy quần áo rồi đến cửa khẩu Th thuộc tỉnh L. Đến nơi, T vào một quán cà phê gần cửa khẩu ngồi uống nước rồi gặp 01 thanh niên (không rõ lai lịch) và bán xe cho người này với giá 4.000.000 đồng. Sau đó, T dùng số tiền này sang Campuchia đánh bạc.

Không thấy T mang xe về trả và cũng không liên lạc với T được, ông A nhờ ông Trần Đức H1 hỗ trợ tìm Tiền. Ngày 10/12/2016, Tiền về lại tỉnh Bình Dương thì bị ông H1 phát hiện báo cho ông A biết. Công an phường T tiếp nhận tin báo của ông A tiến hành mời T đến trụ sở công an phường để làm việc, T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 67K1 – 264.65 của ông A.

Công an phường T lập hồ sơ ban đầu, tạm giữ đồ vật có liên quan gồm: 01 chứng mình nhân dân tên Trương Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen. Sau đó, Công an phường T bàn giao T cùng hồ sơ, đồ vật thu giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KLTS-TTHS ngày 19/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận xe mô tô Yamaha Sirius màu trắng – xanh, biển số 67K1-264.65 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Do không rõ lai lịch người mua nên Cơ quan cảnh sát Công an thị xã T không thu hồi được xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trương Thị H là mẹ của T đã bồi thường cho ông A số tiền 8.000.000 đồng. Ông A không yêu cầu gì khác và có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 8.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 136/CT-VKSTU ngày 29/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị trả lại cho bị cáo chứng minh nhân dân và điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và không ảnh hưởng đến việc xét xử. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T khai nhận: Ngày 01/12/2016, tại quán bida Ng thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo giả vờ đi công việc để mượn xe mô tô biển số 67K1-264.65 của ông Phạm Quốc A mang đi bán.

Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe biển số 67K1-264.65 có giá trị là 12.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 01/12/2016, thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực pháp luật, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Toà án áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xét xử bị cáo. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị truy nã. Do đó, cần xử bị cáo thật nghiêm và cách ly khỏi xã hội mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Chứng minh nhân dân và điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2021.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Trương Văn T chứng minh nhân dân mang tên bị cáo và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2610, màu đen, số IMEI 356796/20/551610.

(*Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương*).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Trí